

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO QUYỂN 5

Phẩm 2: THẬU NHIẾP NGHĨA THANH TỊNH (Phần 1)

Đã nói Cũng thế rồi, nay sẽ nói về chín nghĩa của sự thanh tịnh. Tụng rằng:

*Thắng luận trong các luận,
Cũng khéo nhập Du-già,
Nghĩa thanh tịnh nên biết,
Do đủ bốn đức tịnh.*

Luận chép: Luận Hiển Dương Thánh giáo này là bộ luận vượt hơn hết trong các bộ luận. Các bộ luận ấy, có thể tóm lược thành bốn loại:

1. Luận Tượng, chánh pháp: Là nương vào Thánh giáo mà làm trái ngược pháp tướng.
2. Luận Ngoại y trị: Là phương thuốc bên ngoài.
3. Luận Cật tránh: Là các ngoại đạo suy luận luống dối.
4. Luận Kiểu cưỡng: Là các chú thuật xấu ác của Bà-la-môn.

Vì sao cho rằng bộ Hiển Dương này có khả năng vượt hơn các bộ luận khác?

- Vì bộ luận này, có khả năng làm rõ tính chất không trái ngược của các pháp tướng. Rốt ráo nó có khả năng trị tâm bịnh bên trong, có khả năng đối trị các chú thuật xấu ác ở luận cật tránh của Bà-la-môn.

Chỉ trong bộ luận này mới có những khả năng ấy còn bốn bộ luận kia không thể có được, nên nói là tối thắng, vì nó có bốn thứ lập luận là:

1. Phi hai bên luận.
2. Phi nhất hướng luận.
3. Nhất thiết thủ đoạn biến tri luận.
4. Lập chánh tướng luận.

- *Phi nhị biện luận:* Là những lập luận như: chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải khác, chẳng phải không khác, chẳng phải ngã,

chẳng phải không có ngã, chẳng phải thường, chẳng phải đoạn.

- *Phi nhất hướng luận*: Là những lập luận như không phải các dục lạc đều phải tu tập và gần gũi, nó dẫn ra cái vô nghĩa lợi của dục lạc. Không phải tất cả dục lạc đều không tu tập và gần gũi, nó dẫn đến lợi ích có ý nghĩa. Như vui, khổ cũng vậy.

- *Nhất thiết thủ đoạn biến tri luận*: Là luận về sự hiểu biết và dứt trừ hết những dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ.

- *Lập chánh tướng luận*: Là các lập luận như: Nêu ra tất cả pháp một cách thuận hợp về tự tướng, cộng tướng, nhân tướng, quả tướng của nó.

Cũng khéo chứng nhập Du-già là: Có bốn thứ Du-già là Tín, Dục, Chánh cần và Phương tiện. Bộ luận này rất khéo thuận theo các pháp ấy, nên gọi là khéo chứng nhập Du-già.

Nghĩa thanh tịnh nên biết: Là khéo lập ra để làm rõ nét của đức bất cộng, tên gọi là thứ hai.

Do đủ bốn đức thanh tịnh: Là muốn nói rõ tên gọi này như nghĩa đã lập ra. Luận ấy như thế nào? Tức có đủ bốn đức thanh tịnh.

Tụng rằng:

*Thâu nhiếp tất cả nghĩa,
Ngoại đạo không thể phá.
Dễ vào nên vào rồi,
Vì hành không hoại mất.*

Luận chép: Thâu nhiếp tất cả nghĩa là vì tất cả nghĩa đều bao gồm trong luận này. Tức là chín thứ nghĩa hay mười thứ nghĩa, hoặc năm thứ nghĩa, hoặc bốn thứ nghĩa, hoặc ba thứ nghĩa. Chín thứ nghĩa như đã nói trong phẩm thâu nhiếp sự.

Mười thứ nghĩa gồm:

1. Nghĩa tận sở tri (đối tượng nhận biết).
2. Nghĩa như sở tri.
3. Nghĩa năng thủ (chủ thể chấp lấy).
4. Nghĩa sở thủ (đối tượng bị chấp lấy)
5. Nghĩa sở y trụ (đối tượng bị nương dựa)
6. Nghĩa được thọ dụng.
7. Nghĩa điên đảo.
8. Nghĩa không điên đảo.
9. Nghĩa tạp nhiễm.
10. Nghĩa thanh tịnh.

- Trong đây, *Nghĩa tận sở tri*: Là biết hết ý nghĩa cùng tận về pháp

tạp nhiễm hay thanh tịnh với tất cả các thứ khác nhau cuối cùng của chúng, như năm uẩn, sáu nội xứ v.v...

- *Nghĩa như sở tri là*: Biết nghĩa chân thật về chân như thật tính trong các pháp tạp nhiễm hay thanh tịnh. Lại có bảy thứ là từ chân như trôi lăn cho đến chân như chánh hạnh.

- *Nghĩa năng thủ* (chủ thể chấp lấy) là năm nội sắc xứ, tâm, ý thức và các tâm pháp.

- *Nghĩa sở thủ* (đối tượng bị chấp lấy) là sáu xứ bên ngoài. Lại nghĩa năng thủ cũng là sở thủ.

- *Nghĩa sở y trụ*: Là thế giới bên ngoài nương vào nơi an trụ này mới có được thế giới hữu tình. Như cả trăm ngàn làng xóm ruộng đồng nói rộng như vậy, cho đến Tam thiên đại thiên thế giới, cho đến trăm ngàn, vô số thế giới, vô lượng vô số thế giới trong mười phương nhiều như số cực vi trần .

- *Nghĩa đã được thọ dụng*: Là thâm nhiếp các thứ đồ đạc vật dụng.

- *Nghĩa diên đảo*: Là trong nghĩa năng thủ, có kiến chấp diên đảo, tâm diên đảo như vô thường tưởng là thường, Cũng thế cho đến vô ngã mà cho là ngã.

- *Nghĩa không diên đảo*: Là để đối trị lại diên đảo như vừa nói.

- *Nghĩa tạp nhiễm là có ba thứ*: phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sinh tạp nhiễm trong ba cõi.

- *Nghĩa thanh tịnh*: Là đã chứng ngộ, xa lìa ba thứ tạp nhiễm trói buộc, và đã tu tập tất cả pháp phần Bồ-đề.

Nên biết mười thứ nghĩa trên đây bao trùm tất cả nghĩa, nên

b

iết. - Năm thứ nghĩa gồm:

1. Sở biến tri sự.
2. Sở biến tri nghĩa.
3. Ứng tri biến tri.
4. Đắc biến tri quả.
5. Thọ dụng biến tri quả.

- *Sở biến tri sự*: Tất cả việc phải biết như về các uẩn, nội xứ, ngoại xứ các việc Cũng thế.

- *Sở biến tri nghĩa*: Là hiểu biết cùng tận tất cả chủng loại về thế tục hoặc thắng nghĩa, hoặc công đức, hoặc lỗi, hoặc các duyên, hoặc ba đời, hoặc tướng sinh trụ hoại, hoặc như bệnh, hoặc khổ, hoặc tập, hoặc chân như thật tế, pháp tánh, hoặc rộng hay lược, hoặc một mặt ghi nhớ

hay phân biệt mà ghi nhớ, hoặc ghi nhớ và hỏi lại, hoặc lưu lại sự ghi nhớ, hoặc ẩn, hoặc hiện, các nghĩa biết khắp như vậy, nên biết.

- *Biến tri*: Là có thể chấp lấy hai cảnh Bồ-đề phần pháp ở trước.

- *Đắc biến tri quả*: Là được quả biến tri, là dứt trừ hẳn các tham dục, giận dữ, ngu si không còn sót tham sân si nào để dứt trừ.

Bốn quả Sa-môn: Là chứng ngộ đầy đủ các công đức thế gian và xuất thế gian cộng và bất cộng của các Thanh văn, Độc giác, Như lai.

- *Thọ dụng biến tri quả*: Là chứng ngộ được các pháp, lấy trí tuệ giải thoát chỉ bày giảng nói cho các người hiểu rõ. Năm thứ nghĩa này cũng gồm nhiếp tất cả nghĩa, nên biết.

Bốn thứ nghĩa là:

1. Nghĩa tâm sở chấp.
2. Nghĩa lãnh nạp.
3. Nghĩa rõ biết.
4. Nghĩa tạp nhiễm thanh tịnh.

Bốn nghĩa này cũng gồm nhiếp tất cả nghĩa, nên biết. Ba thứ nghĩa là: Nghĩa Văn, nghĩa nghĩa, nghĩa giới.

Nghĩa Văn là danh thân v.v... Nghĩa nghĩa là mười thứ nghĩa, nên biết: Một là tướng chân thật; Hai là tướng biến tri; Ba là tướng dứt hẳn; Bốn là tướng tác chứng; Năm là tướng tu tập; Sáu là các tướng sai khác của tướng chân thật; Bảy là tướng thuộc về tướng sở y, năng y (chủ thể nương); Tám là pháp tướng có thể gây ra chướng ngại cho biến tri; Chín là tướng pháp có thể thuận theo cho biến tri; Mười là tướng công đức, lỗi đối với biến tri và không biến tri.

- Nghĩa Giới: Nghĩa là năm thứ giới:

1. Khí thể giới.
2. Thế giới hữu tình.
3. Pháp giới.
4. giới bị điều phục.
5. Giới phương tiện bị điều phục.

Ba thứ nghĩa này cũng gồm nhiếp tất cả nghĩa, nên biết.

- Ngoại đạo không thể phá hoại: Là các nghĩa vừa nói trên, ngoại đạo không thể phá hoại được. Vì là lý luận của chánh đạo nên các ngoại đạo không thể khống chế khuất phục được.

Tất cả ngoại đạo, lược có năm hạng là:

1. Ngoại đạo nói về ngã.
2. Ngoại đạo nói về thường.
3. Ngoại đạo nói về đoạn.

4. Ngoại đạo nói về hiện pháp Niết-bàn.

5. Ngoại đạo nói về vô nhân.

- Dễ chứng nhập là vì văn trong luận này đầy đủ, sáng tỏ, nghĩa dễ hiểu, không phải như văn luận chú thuật xấu ác của Bà-la-môn, thiếu sót và đầy bí ẩn nên khó hiểu thấu nghĩa.

- Hiểu rồi thực hành thì ý nghĩa của luận không mất mát, hư hoại: Do trong luận này nghĩa đầy đủ, đúng đắn. Nếu đã hội nhập như thuyết tu hành thì tự nghĩa không mất. Chẳng phải như ngoại đạo tà luận, cho dù họ tự hiểu đi nữa, nhưng về thực hành đúng như lời trong ấy thì cũng đưa đến nghĩa trống rỗng. Luận này thâm nhiếp nghĩa thanh tịnh như vậy, nên nó không thể bị ai phá hoại nghĩa thanh tịnh của nó được. Thanh tịnh dễ hiểu và làm thì được thanh tịnh, nên gọi là nghĩa thanh tịnh, nên biết. Nay trong luận này, làm rõ những pháp gì mà Đức Bạc-già-phạm đã nói?

Tụng rằng:

*Chư Phật nói pháp mâu,
Chính dựa vào hai đế,
Một là Thế tục đế,
Hai là Thắng nghĩa đế.*

Luận chép: Tướng của hai đế Thế tục và Thắng nghĩa thì như trước đã nêu. Lại nữa, Tụng rằng:

*Trước, nói dụng ngã pháp,
Vi tùy khác, nên nói,
Bảy thứ và bốn thứ,
Chân như gọi thắng nghĩa.*

Luận chép: Trước là theo thế tục đế mà nói ngã, nói pháp và tác dụng của chúng.

- Nói ngã là đề cập đến hữu tình thọ mạng sự sống Bồ-đặc-già-la, người, trời, nam, nữ, bạn Phật, bạn pháp, Cũng thế v.v...

Nói pháp là nói sắc, thọ Cũng thế, v.v...

Nói tác dụng là nói có thể thấy, có thể nghe, có thể sinh, có thể diệt, cũng thế... Nên biết, đó là thế tục đế. Ngã, pháp ấy cho dù không có thật, nhưng vì theo thế tục nên nói là có.

Hỏi: Nếu Thế tục đế không phải thắng nghĩa nên là hữu vi, thì dựa vào nghĩa nào để nói về nó?

Đáp: Vì thuận theo vào cái khác mà nói, nghĩa là vì thuận theo thắng nghĩa đế nên nói thế tục đế.

Hỏi: Pháp nào là thắng nghĩa đế?

Đáp: Có bảy thứ và bốn thứ chân như được gọi là thắng nghĩa, như có nói trong phẩm Thâu Nhiếp Sự.

Cũng thế, là đã nói lược về hai đế. Trong đó, Đức Như lai có nói rộng. Tụng rằng:

*Lập ra nghĩa tự tánh,
Số thứ lớp khéo léo,
Tướng khác nhau nên biết,
Bày nghĩa thế tục uẩn.*

Luận chép: Tự tánh là có chuyển biến, có tan rã và nhận lãnh rõ.

Đó là tự tính các uẩn.

Nghĩa có nghĩa là nhóm họp, chứa nhóm, là nghĩa uẩn. Có bốn thứ nghĩa nhóm họp, sẽ nói trong phẩm Thành Thiện Xảo.

Lập ra là đối với sắc uẩn có bốn thứ lập ra: Lập ra tướng, lập ra sinh, lập ra tổn giảm và lập ra sai khác.

- Lập ra Tướng: Là tướng của sắc uẩn, lược có năm thứ là: Tự tướng, cộng tướng, tướng thuộc về tướng sở y, năng y, tướng thọ dụng và tướng nghiệp.

- Tự tướng: Như cứng chắc, v.v... là tướng đất v.v... đều thanh tịnh riêng là tướng của nhãn, v.v...

- Cộng tướng: Như tướng hoại rã của tất cả sắc.

Tướng thuộc về tướng sở y, năng y: Như đại chủng là sở y (bị nương dựa), sắc được tạo, v.v... là năng y (chủ thể nương dựa).

- Tướng thọ dụng là: Nội xứ thọ dụng với sức thêm lên đều được phát sinh từ cảnh giới sắc bên ngoài khác nhau. Hoặc có nhóm sắc chỉ có chất cứng, sanh, hoặc chỉ có ẩm ướt, hoặc chỉ có chất ấm, hoặc chỉ có sức động đập, hoặc có đời sống phức tạp nữa, vì thuận theo thọ dụng của nội xứ.

- Tướng nghiệp là: Như đại chủng đất v.v... có các tướng là nương, duy trì, nhiếp thọ, thành thực, lớn lên, cũng thế.

- Lập ra sinh có năm thứ sinh:

1. Sinh Y chỉ.
2. Sinh hạt giống.
3. Sinh Thế dẫn.
4. Sinh Thuận ích.
5. Sinh Vi tổn.

- *Sinh Y chỉ*: Là nương vào đại chủng, tất cả các sắc được tạo phát sinh. Vì vậy, mới nói do bốn đại chủng làm ra. Sắc được tạo thì ở một nơi nào đó, là nghĩa tạo ra.

- *Sinh hạt giống*: Là từ hạt giống sinh ra, như roi da cứng, nhưng đôi khi gặp duyên thay đổi nó chảy ra chất ướt. Đôi khi từ chỗ rịn ẩm ướt ấy tụ thành roi da cứng, hoặc từ chỗ gom hơi ấm rồi biến thành hơi ấm nóng. Hoặc gom hơi nóng biến ra lạnh. Hoặc từ chỗ không động đậy biến thành động đậy hay, từ động đậy biến thành bất động. Các sắc tốt, xấu Cũng thế, nên biết, chúng đều lần lượt phát sinh lẫn nhau với nhiều sai khác. Như vậy, nếu chỉ căn cứ vào tướng của chính nó thì các thứ đều không. Nếu nhìn vào hạt giống của chúng thì chúng đều hiện hữu lẫn nhau, thành có. Cho nên từ mỗi vật nhóm họp với tự tướng mà sắc pháp phát sinh với những sai khác cũng thế. Nên biết, sinh hạt giống với tên, loại như vậy.

- *Sinh Thế dẫn*: Là sức lớn mạnh của sắc căn bên trong thường hiện bày nối tiếp nên vật bên ngoài mới sinh khởi, như khí thế gian chẳng hạn. Lại, do sức mạnh của nghiệp đời trước dẫn dắt nên các nội xứ sinh như đục lặc trước mắt. Chư thiên và người ở Châu Câu-lô phía Bắc, tất cả đồ dùng của họ thường đều bởi thế lực của nghiệp dẫn mà sinh ra, nên khiến cho trôi lăn, phải biết điều ấy. Hoặc khí thế gian trong con người này, cứ nối nhau mãi, nên biết cũng do sức mạnh của nghiệp dẫn dắt mà phát sinh những loại như vậy.

- *Sinh Thuận ích*: Là được từ duyên thuận lợi nên sắc pháp phát sinh, bằng cách lần lượt lớn mạnh rồi vượt hẳn lên, như nước đã thấm ướt thì mầm lú ra. Các thứ được phát sinh một cách thuận lợi như vậy. Ngược lại, gọi là sự phát sinh trái ngược, gây ra tổn hại gọi là (sinh vi tổn) nên biết.

- *Lập ra tổn giảm*: Là lập ra vật thể hết sức nhỏ, nên biết, là do năm thứ hết sức nhỏ tạo nên là:

1. Do phân tích.
2. Do khác nhau.
3. Do độc nhất.
4. Do giúp đỡ.
5. Do tính chất không còn phân chia được.

- *Do phân tích*: Nghĩa là do tuệ phân tích các sắc pháp thô, dần dần chuyển giảm đến rất nhỏ nhiệm, gần với lập ra cực vi, chẳng phải là do thể. Do nhân cũng thế nên nói cực vi không khởi không diệt. Lại cũng chẳng cho là chứa nhóm các cực vi để thành sắc thô.

- *Do khác nhau*: Lược có mười lăm thứ cực vi: Cực vi của căn như mắt, v.v... có năm thứ. Cực vi của cảnh như sắc, v.v... có năm thứ. Cực vi của giới như địa, v.v... có bốn thứ. Cực vi của sắc có thật thuộc về

pháp xứ có một thứ.

- *Do độc nhất*: Là lập ra tự tướng thật hết sức nhỏ.

- *Do giúp đỡ*: Là xây dựng bằng cách gom lại nhiều cực vi, vì đối với vị trí của một cực vi như địa, v.v..., có sắc pháp khác cũng cùng một vị trí không tách rời nhau, cho nên lập ra bằng cách gom nhiều cực vi.

- *Do tính chất không còn phân chia được*: Là không phải một cực vi còn có phần nhỏ khác nữa, vì không nhóm họp. Nếu cực vi được tu tập thì có thể có nhiều phần. Nếu một cực vi đã hình thành yên ổn thì nơi ấy không thể phân tích để lập một phần nào khác. Cho nên cực vi là không còn phần nhỏ.

Lập ra sai khác: Là có hai mươi sáu thứ sắc:

1. Sắc lệ thuộc cõi Dục, là đủ hết các sắc.
2. Sắc lệ thuộc cõi Sắc, trừ hương, vị.
3. Sắc lệ thuộc ở cõi Vô sắc là sắc đẳng trì tự tại, không phải sắc của nghiệp dị thực.
4. Sắc Thanh tịnh giới: Là pháp xuất thế tăng thượng đã phát sinh, như sắc giải thoát của tịnh lự, sắc của Phật, Bồ-tát.
5. Sắc bên trong: Là sắc của căn và nơi căn trụ vào.
6. Sắc bên ngoài: Là trừ căn và nơi căn đã trụ vào, còn có sắc, thanh, hương, vị, xúc.
7. Sắc chỗ dựa: Là năm giác quan như mắt v.v...
8. Sắc sở duyên: Là năm cảnh giới và sắc thuộc về pháp xứ.
9. Sắc năng thủ: Là sắc của chỗ nương.
10. Sắc sở thủ: Là sắc sở duyên.
11. Sắc chấp thọ: Là sự cảm thọ phát sinh chỗ nương, như các sắc, sắc của căn và nơi căn đã trụ vào, nơi tâm, tâm pháp đã trụ vào. Nghĩa của chấp thọ là cùng một lợi hoặc hại.
12. Sắc không chấp thọ: Là các sắc, ngoài sắc chấp thọ vừa nêu.
13. Sắc đồng phần: Là sắc của căn không cùng chuyển với thức, vì cùng với thức đồng cảnh mới chuyển.
14. Sắc đồng phần kia: Là sắc của căn cùng chuyển với thức. Chúng chỉ chuyển nối tiếp nhau bằng tự loại tương tự.
15. Sắc có thấy có đối: Là sắc của sắc xứ.
16. Sắc không thấy có đối: Là chín sắc xứ còn lại.
17. Sắc không thấy không đối: Là sắc thuộc về pháp xứ.
18. Sắc thanh tịnh: Là năm xứ bên trong.
19. Sắc sở thủ thanh tịnh: Là năm xứ bên ngoài.
20. Sắc sở thủ của ý: Là sắc thuộc về pháp xứ.

21. Sắc chỗ dựa trụ: Là từ lớp gió cho đến mặt đất.

22. Sắc che chở, bảo hộ: Là như nhà cửa v.v...

23. Sắc dụng cụ giúp ích: Là mười thứ dụng cụ giúp ích. Ăn uống, y phục dụng cụ trang điểm, các đồ đạc, vui đùa, đánh trống múa hát, ca vịnh âm nhạc, tràng hoa trang sức, các thứ ánh sáng, nam nữ làm việc.

24. Sắc là nơi căn nương vào: Là nơi ở của năm thứ sắc căn.

25. Sắc của căn: Là năm thứ sắc ở căn.

26. Sắc của cảnh giới đẳng trì: Như đã nói trong phẩm Thâu nhiếp S

ự. Lập ra thọ uẩn có sáu thứ là:

1. Lập ra Sai khác.

2. Lập ra Xuất ly.

3. Lập ra quán sát.

4. Lập ra Sinh.

5. Lập ra Tướng.

6. Lập ra Sư cú.

- Lập ra Sai khác: hoặc lập ra một thọ, như nói tất cả các cảm thọ đều là khổ. Hoặc lập hai thọ là thân thọ và tâm thọ. Hoặc lập ba thọ: Là cảm thọ vui, khổ, không vui, không khổ. Hoặc lập bốn thọ là sự ràng buộc ở cõi Dục, ở cõi Sắc, cõi Vô sắc và sự cảm nhận không ràng buộc. Hoặc lập năm thọ là căn vui, căn khổ, căn mừng, căn lo, căn xả. Hoặc lập sáu thọ là mắt tiếp xúc với sắc phát sinh cảm thọ cho đến ý thức tiếp xúc với các pháp phát sinh cảm thọ. Hoặc lập mười tám thọ tức là mười tám ý tiếp cận với hành sáu cảm giác mừng tiếp cận với hành, sáu điều lo tiếp cận với hành, và sáu ý niệm xả tiếp cận với hành. Hoặc lập ba mươi sáu thọ: là sáu cảm giác mừng dựa vào ham mê dục, sáu cảm giác mừng dựa vào xuất ly, như mừng lo và xả cũng vậy. Hoặc lập một trăm lẻ tám thọ nghĩa là ba mươi sáu thọ, mỗi thọ uẩn đều nương vào ba đời. Hoặc mở ra vô lượng thọ. Như từ chỗ cảm thọ ấy phát sinh vô số thọ.

- Lập ra Xuất ly là Sơ tĩnh lự lìa khỏi căn lo, tĩnh lự thứ hai lìa khỏi căn khổ, tĩnh lự thứ ba lìa khỏi căn mừng, tĩnh lự thứ tư lìa khỏi căn vui. Vô tướng tâm pháp Tam-ma-địa lìa mình khỏi căn xả thọ.

- Lập ra quán sát là có tám thứ quan sát đối với thọ. Thế nào là thọ? Thế nào là nguyên nhân của thọ? Thế nào là sự dứt trừ thọ? Thế nào là nguyên nhân hành động dẫn tới thọ? Thế nào là hành động nhắm tới làm tan rã thọ? Giác về vị là gì? Cái gì làm lỗi của thọ? Cảm thọ xuất ly là gì?

- Lập ra Sinh là các cảm thọ phát sinh từ mười sáu sự tiếp xúc,

mười sáu sự tiếp xúc là:

1. Mắt tiếp xúc.
2. Tai tiếp xúc.
3. Mũi tiếp xúc.
4. Lưỡi tiếp xúc.
5. Thân tiếp xúc.
6. Ý tiếp xúc.
7. Hữu đối tiếp xúc.
8. Tăng ngữ tiếp xúc.
9. Thuận lạc thọ tiếp xúc.
10. Thuận khổ thọ tiếp xúc.
- 11- Thọ thuận không khổ không vui tiếp xúc.
12. Tiếp xúc ái.
13. Tiếp xúc giận dữ.
14. Tiếp xúc sáng suốt.
15. Tiếp xúc với không sáng suốt.
16. Tiếp xúc chẳng phải minh, chẳng phải vô minh.

- Lập ra Tướng là tám thứ tướng:

1. Tướng dị thực.
2. Tướng không phải dị thực.
3. Tướng có vị mê đắm.
4. Tướng không mê đắm vị.
5. Tướng nương vào đam mê.
6. Tướng nương vào xuất ly.
7. Tướng chuyển động.
8. Tướng an trụ.

- Tướng dị thực là thức A-lại-da tương ứng với thọ.

- Tướng chẳng phải dị thực là chuyển thức tương ứng với thọ.

- Tướng có vị mê đắm là dục vọng trói buộc vào thọ.

- Tướng ham mê không có vị là sự trói buộc vào cõi Sắc, cõi Vô sắc và không ràng buộc thọ.

- Tướng nương của mê đắm là dục tham tương ứng với thọ.

- Tướng nương vào sự xuất ly là: Xuất gia dẫn đến pháp thiện của cõi định, tương ứng với thọ.

- Tướng động: Là trong kinh lấy gió làm thí dụ để làm rõ về thọ, vì nghĩa an trụ nối tiếp không lâu.

- Tướng an trụ: Là trong kinh lấy nhà khách làm thí dụ để làm rõ về thọ, vì có ý nghĩa an trụ nối tiếp mãi.

- Lập ra Sư cú: Là ba mươi sáu sư cú sáu điều mừng nương dựa vào ham mê thêm khát, sáu điều mừng nương vào xuất ly, sáu điều lo dựa vào ham mê thêm khát, sáu điều lo dựa vào xuất ly, sáu điều bỏ dựa vào ham mê thêm khát và sáu điều bỏ dựa vào xuất ly.

- Mừng nương vào ham mê thêm khát là gì? Là mất biết sắc là vui, là mừng, là vừa ý, đáng yêu, từ đó dẫn tới tâm ham muốn nhiễm đắm vào ham muốn đó, hay do điều mình đang có, hoặc theo ý nghĩ trước, nghĩ được điều gì rồi sinh ra mừng. Như vậy, tướng mừng ấy gọi là mừng nương vào ham mê thêm khát.

- Thế nào là mừng nương vào xuất ly? Là đối với các sắc biết rõ nó là vô thường thay đổi, khổ nên đã li bỏ dứt trừ các ham muốn nên tâm hôn vắng lặng. Và đối với tất cả sắc từ trước hay hiện tại đều biết rõ nó là pháp thay đổi, vô thường, khổ, nên sinh vui mừng. Cũng thế tướng mừng đó gọi là mừng nương vào xuất ly.

Cũng thế, đối với tai nhận biết tiếng, mũi biết mùi, lưỡi biết vị, thân biết sự xúc chạm và ý nhận biết các pháp cảm thấy vui mừng, vừa ý, đáng yêu, có thể dẫn đến sinh tâm tham đắm vướng mắc, hoặc do nhận được những gì mà mình hiện có, hoặc theo ý nghĩ trước, nghĩ được thứ gì rồi sinh ra mừng. Cũng thế tướng mừng ấy gọi là mừng nương vào ham mê thêm khát.

Cũng thế là tai đã nhận biết âm thanh cho đến ý đã biết pháp, biết rõ chúng là vô thường, khổ, thay đổi nên đã li mình khỏi ham muốn, dứt trừ, nên tâm vắng lặng. Và đối với tất cả pháp từ trước tới giờ đều biết rõ chúng là pháp vô thường, khổ, thay đổi nên sinh vui mừng. Cũng thế, tướng mừng đó gọi là mừng nương vào xuất ly.

- Thế nào là lo nương vào ham mê thêm khát? Là mất thấy sắc là đáng mừng, vui cho đến có thể bị vướng vào, hoặc do Vô sở đắc những gì mình hiện có, hoặc theo ý nghĩ trước, nghĩ được điều gì hiện tại không còn, đã mất, đã li xa, đã thay đổi nên sinh ra lo buồn. Cũng thế tướng lo đó gọi là lo nương vào ham mê thêm khát.

- Thế nào là lo nương vào xuất ly? Là đối với các sắc, biết rõ là vô thường cho đến tiêu mất. Và tất cả từ trước tới giờ đều biết rõ chúng là vô thường, khổ, thay đổi nên đối với cảnh giải thoát vượt cao muốn nguyện chứng được, là nói : Đến bao giờ, tôi sẽ được an trụ đầy đủ như các bậc Thánh đã an trụ đầy đủ? Như vậy, đối với giải thoát vượt cao, lo nghĩ để cầu chứng được. Đó gọi là lo nương vào xuất ly.

Cũng thế, đối với tai nghe tiếng, cho đến ý biết các pháp là đáng mừng, vui có thể bị đắm nhiễm, hoặc do thứ gì mà hiện mình Vô sở đắc,

hoặc theo ý nghĩ trước, nghĩ được gì mà giờ đây nó đã đi qua đã thay đổi nên sinh ra lo buồn. Cũng thế là nương lo ấy gọi là nương vào ham mê thêm khát.

Cũng thế, đối với tai nghe tiếng, cho đến ý biết các pháp, biết rõ chúng là vô thường cho đến diệt mất. Lại đối với tất cả pháp từ trước đến giờ, biết rõ chúng là vô thường, khổ, thay đổi cho đến tiêu mất, nên đối với giải thoát vượt cao, mong muốn chứng được là nói: Đến bao giờ, tôi sẽ được an trụ đầy đủ như các bậc Thánh đã an trụ đầy đủ? Như vậy, đối với giải thoát vượt cao, lo nghĩ để cầu chứng được, đó gọi là lo nương vào xuất ly.

- Thế nào là xả nương vào ham mê thêm khát? Là kẻ phàm ngu si không hiểu biết, không có trí tuệ nên mắt thấy sắc thì sinh tâm luyến mến. Đối với việc xả bỏ việc tham đắm tạo nghiệp ở các cõi thì hướng về sắc là mê đắm vào sắc, không xả bỏ sắc, không thể vượt qua sắc. Ngay trong sắc mà xả bỏ được thì gọi là nương vào ham mê thêm khát mà xả bỏ.

- Thế nào là xả bỏ dựa vào xuất ly? Là đối với sắc, biết rõ chúng là vô thường cho đến tiêu mất. Lại đối với tất cả sắc từ trước tới giờ, biết rõ chúng là vô thường, khổ, thay đổi nên chọn lựa pháp tu để xả bỏ. Đó gọi là dựa vào xuất ly mà xả bỏ.

Cũng thế, kẻ phàm ngu si, không hiểu biết, không trí tuệ nên tai nghe tiếng cho đến ý biết pháp đều sinh tâm luyến mến. Đối với việc xả bỏ tham đắm tạo nghiệp nơi các cõi thì đối với pháp, không thể vượt qua. Ngay trong sắc mà xả bỏ được thì gọi là nương vào thêm khát ham mê mà xả bỏ.

Cũng thế, đối với tai nghe tiếng, cho đến ý biết pháp, biết rõ chúng là vô thường cho đến tiêu mất. Lại đối với tất cả pháp từ trước tới giờ, biết rõ chúng là vô thường, khổ, thay đổi nên lựa chọn pháp tu để xả bỏ, đó gọi là nương vào xuất ly mà xả bỏ.

Với sáu cảm giác mừng dựa vào ham mê thêm khát, sáu cảm giác mừng dựa vào xuất ly, sáu cảm giác lo dựa vào ham mê thêm khát, sáu cảm giác lo dựa vào xuất ly, sáu cảm giác xả dựa vào ham mê thêm khát và sáu cảm giác xả dựa vào xuất ly, gom chung thành ba mươi sáu sự cú.

Trong các thứ nương ấy, nên an trụ vào sáu xuất ly mà được vui mừng, xua tan cái mừng dựa vào ham mê thêm khát. Cũng thế, an trụ vào lo ra khỏi bằng cách nương vào sáu nơi ra khỏi, xua tan cái lo dựa vào sáu ham mê thêm khát. Cũng thế, an trụ vào xả do dựa vào sáu xuất

ly, xua tan cái xả dựa vào sáu ham mê thêm khát. Lại nữa, trong những nường ấy, an trụ vào mừng của sáu nường xuất ly rồi xua tan cái lo độc hại của sáu nường vào xuất ly. Rồi an trụ vào xả của sáu nường xuất ly, xua tan cái mừng của sáu nường vào xuất ly. Lại có hai thứ xả: một là nường vào nhiều tính chất, hai là nường vào một tính chất.

- Nường vào nhiều tính chất để xả là: Nường vào sắc cho đến nường vào pháp.

- Nường vào một tính chất để xả là: Nường vào Không vô biên xứ cho đến nường vào Phi tướng, Phi phi tướng xứ. Trong các nường thì nên nường vào một tính chất mà xả trụ, xua tan các độc hại của xả với nhiều tính chất.

- Lập ra có Tướng uẩn ba thứ:

1. Y sai khác.
2. Tác ý sai khác.
3. Cảnh giới sai khác.

- Y sai khác: Là sáu Tướng, thân và mắt tiếp xúc nên tướng phát sinh cho đến ý tiếp xúc sinh tướng.

- Tác ý sai khác: Có hai thứ: là tướng có tướng, và tướng không có tướng. Tướng có tướng là trừ những tướng chưa được nói khéo léo, trong cõi Dục, thì tướng bậc nhất là tướng xuất thế gian. Các tướng có tướng khác thì tướng ứng với tác ý.

- Tướng không có tướng: là trừ điều nói trước, tức là tướng không có tướng tương ứng với tác ý.

- Cảnh giới sai khác: Có bốn thứ:

1. Tướng nhỏ hẹp.
2. Tướng lớn rộng.
- 3- Tướng vô lượng.
4. Tướng Vô sở hữu.

Theo thứ lớp mà tướng ấy duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Vô sở hữu xứ, nên biết.

- Lập ra Hành uẩn có ba thứ:

1. Thắng sai khác.
2. Y (chỗ dựa) sai khác.
3. Các hành nghiệp Lập bày sai khác.

- Thắng sai khác: Nghĩa là chỉ có tư duy tối thắng là thuộc về hành uẩn. Do tâm tạo tác mà pháp chuyển thành tạp nhiễm hay thanh tịnh.

- Y sai khác: Nghĩa là sáu suy tư Thân, Nhãn, Xúc đã phát sinh suy tư cho đến suy tư sinh do ý xúc.

- Các hành nghiệp lập bày khác nhau: Nghĩa là có ba thứ:

1. Lập bày tạp nhiễm.

2. Lập bày thành tựu.

3. Lập bày phần vị.

- Lập bày tạp nhiễm là: phiền não và tùy phiền não.

- Lập bày thanh tịnh là: Lòng tin.

- Lập bày phần vị là tâm bất tương ứng hành như sinh, v.v... Tức sắc thuộc về pháp xứ và vô vi, của ba uẩn này gọi chung là pháp giới cũng gọi là pháp xứ.

- Lập bày Thức uẩn có ba thứ:

1. Chủng loại sai khác.

2. Y sai khác.

3. Tạp nhiễm thanh tịnh sai khác.

Chủng loại sai khác có hai thứ:

a. Thức A-lại-da.

b. Chuyển thức.

Y sai khác là sáu thức nhân.

- Hỏi: Thức A-lại-da thuộc về thức nào trong sáu thức ấy?

- Đáp: Tầng thức gồm chung cả sáu thức, vì hạt giống của sáu thức đều chứa đựng trong thức ấy. Do thức này là loại ghi nhớ sâu kín nên Đức Bạc-già-phạm không nói hết về nó. Nếu ai khéo hiểu thì do đó mà hiểu được nó.

- Tạp nhiễm, thanh tịnh sai khác: Như trong kinh nói: Là khi tâm có tham, biết rõ là tâm có tham. Tâm lìa bỏ tham thì biết rõ là tâm lìa bỏ tham. Cũng thế, có tâm sân rồi lìa tâm sân, có tâm si rồi lìa tâm si, cho đến nói rộng.

Trong đó có ba phẩm tâm:

1. Chưa có tâm nhắm đến Tam-ma-địa.

2. Đã có tâm nhắm đến Tam-ma-địa nhưng chưa được Tam-ma-đ

ịa. 3. Tâm đã được Tam-ma-địa rồi. Tâm này lại có hai thứ:

a. Tâm không thanh tịnh.

b. Tâm rất thanh tịnh.

- Phẩm tâm thứ nhất là hoặc có lúc sinh tâm ô nhiễm, do tính trói buộc của tham vừa trói buộc, hoặc có lúc sinh tâm thiện, vô ký vì đã lìa các trói buộc của tham v.v...

- Phẩm tâm thứ hai: Có lúc buộc tâm vào nội tính, hoặc có lúc quên mất, mà ý niệm rong ruổi theo năm dục phân tán. Rồi cũng có lúc

gom tâm về khiến cho vắng lặng. Lại có lúc tâm bị hôn trầm, thù miên trôi buộc, che lấp. Rồi lại có lúc dứt trừ tình trạng đó. Lại có lúc thúc đẩy tâm ở yên chính đáng nên tâm không bị khuấy động. Hoặc có lúc chưa dứt được sự che lấp của hôn trầm, xáo động thì cả hai phần này đều không vắng lặng được. Hoặc nhờ dứt trừ được chúng mà tâm được vắng lặng. Có khả năng tác ý căn bản tịnh nên được gọi là tâm định. Nếu chưa đạt được điều căn bản ấy thì không gọi là tâm định.

- Nói đến chỗ rốt ráo gọi là tu tâm tột cùng. Dứt trừ đến chỗ rốt ráo thì gọi là tâm giải thoát tột cùng. Trái với hai thứ ấy gọi là tâm không tu tập, tâm không giải thoát. Bắt đầu từ tâm định cho đến đây gọi là phẩm tâm thứ ba. Nên biết, số là năm thứ sự gồm chung hết tất cả các việc trôi lăn. Năm thứ sự đó là:

1. Việc của đối tượng được thọ dụng.
2. Việc của chủ thể thọ dụng.
3. Việc chấp giữ thọ dụng.
4. Việc tạp nhiễm của thọ dụng.
5. Việc trôi lăn ấy đã nương vào pháp biến hành.

- Đối tượng được thọ dụng nghĩa là sắc uẩn, năm thứ sắc căn này nương ở môn chấp nên gọi là đối tượng thọ dụng, vì cảnh giới các sắc là sở duyên ở môn nên gọi là đối tượng được thọ dụng.

- Chủ thể thọ dụng là thọ uẩn.
- Chấp lấy thọ dụng là tướng uẩn.
- Tạp nhiễm của thọ dụng là các hành uẩn.
- Sự trôi lăn nương vào pháp biến hành là thức uẩn.

- Do suy tính thức này là thọ dụng, cho đến cả sự tạp nhiễm nên từ ý nghĩa đó mà thứ lớp được thành. Hơn nữa, do năm nhân duyên khác mà lập ra thứ lớp là:

1. Do sinh khởi.
2. Do đối trị.
3. Do trôi lăn.
4. Do thức trụ.
5. Do sáng tỏ.

- Do sinh khởi là như kinh nói, nhân duyên vào đối tượng là sắc mà nhân thức phát sinh, cho đến ý duyên vào đối tượng là pháp mà phát sinh ý thức. Ở đây, trước là nói sắc uẩn, kế là nói thức uẩn. Hai thứ uẩn này là chỗ nương của các tâm pháp. Vì dựa vào hai thứ uẩn ấy mà các tâm pháp như thọ v.v... phát sinh. Kế là kinh nói: Vì có ba sự hòa hợp nên xúc phát sinh. Vì xúc là duyên nên các pháp như thọ, v.v... mới phát

sinh. Do nguyên nhân sinh khởi Cũng thế, nên nói về thứ lớp các uẩn.

- Do đối trị là đối trị bốn thứ điên đảo, nên nói pháp bốn niệm trụ. Bốn điên đảo là:

1. Đối với bất tịnh chấp cho là tịnh.
2. Đối với khổ chấp cho là vui.
3. Đối với vô thường chấp cho là thường.
4. Đối với vô ngã chấp cho là có ngã.

Trong năm uẩn, trước nói về sắc uẩn, kế là thọ uẩn, kế là thức uẩn, sau chót là hai uẩn tưởng và hành. Cũng thế, vì nhằm đối trị nên nói thứ lớp các uẩn.

- Do trôi lăn là các căn và cảnh giới là chỗ nương phát sinh hai uẩn, nghĩa là lãnh nạp cảnh giới và cảnh giới vẽ vời. Do nhân duyên ấy mới sinh thọ dụng. Các pháp gây rối loạn và cảnh giới hiện tại, có năng lực gây ra nghiệp thiện, bất thiện, vì thế chúng đưa đến quả khổ não đời sau. Riêng mỗi thức uẩn là bị não loạn nên nói về nó sau cùng.

- Do thức trụ là bốn thức trụ nơi năm uẩn theo thứ lớp sinh khởi mới có thêm an trụ trong thức.

- Do sáng tỏ là thấy Bồ-đặc-già-la rồi, trước là ghi nhớ sắc ấy, nên nói về sắc uẩn trước. Kế là nói thọ uẩn, làm sáng tỏ sắc kia là sang hèn, khổ vui. Kế là tưởng uẩn, nói làm sáng tỏ sắc kia là tên như vậy, họ như vậy, chủng loại là vậy. Kế là hành uẩn, làm sáng tỏ sắc kia là ngu si hay thông minh như thế nào. Đó là thức uẩn làm sáng tỏ sau cùng, làm cho sắc kia đối với nội ngã thành khác nhau. Nghĩa là đối với các uẩn trước, thức ghi nhớ, có khổ, vui, mới nói ra, có ngu si hay thông minh, gọi là thức làm sáng tỏ, nên nói về thứ lớp các uẩn.

- Lại vì hai việc nương mà lập ra thứ lớp:

1. Tự trợ ngã sự.
2. Tự nội ngã sự.

Nghĩa là trước phải nương vào thân ở các các cảnh giới, kế đó thọ khổ, vui, kế là nói về mình, người với họ tên, chủng loại như vậy, v.v... Rồi dựa vào hai việc ấy, nhóm hợp sinh khởi các việc làm đúng pháp và trái pháp. Các tên gọi như vậy, giúp đỡ cho ngã, và uẩn sau cùng là việc của nội ngã, nên biết.

- Khéo léo sẽ nói rộng trong phẩm Thành Thiện Xảo.

- Tưởng khác nhau là các loại như: Có sắc, Vô sắc, có thấy, không thấy, có đối, không đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, v.v...

Hỏi: Hữu sắc, có nghĩa gì? Máy loại?

Đáp: Nghĩa là tự thể của hữu sắc, một uẩn là hữu sắc.

Hỏi: Hữu kiến có mấy loại, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là sự hiện hành của mắt, một chút là hữu kiến. Hỏi: Có đối có mấy loại, nghĩa gì?

Đáp: Cùng tiếp xúc đối với các vị trí là nghĩa thô, một chút là có đối. Nói là nghĩa thô là vì nó lia ba thứ nhỏ nhiệm. Ba thứ vị tế ấy là:

1. Tổn giảm nhẹ.
2. Chủng loại nhẹ.
3. Tâm tự tại chuyển nhẹ.

Hỏi: Hữu lậu có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Vì nghĩa thô nặng đeo đuổi, nương các phiền não phát sinh dù chỉ một chút thô nặng và phiền não thì cũng gọi là hữu lậu. Lại, có nghĩa hữu lậu khác là nếu ở trong phiền não thì sẽ sinh bốn lỗi. Lỗi ấy, gọi là hữu lậu.

Bốn lỗi đó là gì? Một là lỗi không vắng lặng. Hai là lỗi trong, ngoài đều đối khác. Ba là lỗi phát sinh hành vi ác. Bốn là lỗi do nhiệt thọ. Trong đó, lỗi đầu tiên là các ràng buộc do hiện hành gây ra, nên biết. Lỗi thứ hai là lỗi phiền não nương vào việc thuận chiều rồi gây thêm phiền não, nên biết. Lỗi thứ ba là do phiền não gây ra, nên biết. Lỗi thứ tư là phiền dắt dẫn đời sau, nên biết.

Hỏi: Hữu vi có nghĩa gì?, mấy thứ?

Đáp: Nghĩa chính là nhân đã làm phát sinh, đúng lúc sinh, có thể sinh, tất cả là hữu vi.

Hỏi: Tranh chấp có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa chính là trôi lăn thường tức giận, hễ có tức giận dù một chút thì có tranh cãi.

Hỏi: Đắm say mùi vị có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa chính là trôi lăn một phần lớn những ái kiến, hễ có ái kiến thì dù một chút cũng gọi là đắm say mùi vị.

Hỏi: Duyên theo ham mê thêm khát có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa chính là trôi lăn phần lớn dục tham, hễ có tham dục cho dù một chút cũng gọi là đắm duyên theo ham mê thêm khát.

Hỏi: Thế gian có nghĩa gì? mấy thứ?

Đáp: Nghĩa chính là nương vào nói năng bàn luận, hễ có nói năng, bàn luận, dù một chút cũng gọi là thế gian.

Hỏi: Thuộc về giới có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa chính là thế gian trong ba cõi, hễ có chút phần thế gian cũng gọi là cõi.

Hỏi: Quá khứ có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa chính là nhân quả đã thọ dụng cùng tận. Một chút thọ dụng cùng tận ấy cũng gọi là quá khứ.

Hỏi: Vị lai có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là nhân quả chưa thọ dụng hết. Một chút chưa thọ dụng hết, cũng gọi là vị lai.

Hỏi: Hiện tại có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa chính là nhân đã thọ dụng hết, còn quả thì chưa thọ dụng hết. Dù còn một chút hai điều ấy cũng gọi là hiện tại.

Hỏi: Nội có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là sáu xứ bên trong không rời nhau. Một chút trong bốn phần là nội.

Hỏi: Ngoại có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là trái với nghĩa nội nói trên một chút là ngoài. Hỏi: Thọ có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là sự không trơn láng nhóm họp đầy đủ, dù một chút cũng gọi là thô.

Hỏi: Tế có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là trái với nghĩa thô, dù một chút cũng gọi là tế. Hỏi: Kém có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa chính là vô thường, khổ, bất tịnh, nhiễm ô. Dù một chút cũng gọi là kém.

Hỏi: Hơn có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là trái với nghĩa kém, dù một chút cũng gọi là hơn. Hỏi: Xa có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là nơi chốn và thời gian xa xôi của quá khứ, vị lai. Dù một chút cũng gọi là xa.

Hỏi: Gần có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là trái với nghĩa xa. Dù một chút cũng gọi là gần. Hỏi: Trói buộc của cõi Dục có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nếu sinh ở cõi này chưa bị đối trị, nghĩa chính là sinh hiện hạnh khi đã ra khỏi ba cõi. Dù một chút cũng gọi là trói buộc ở cõi Dục.

Hỏi: Trói buộc ở cõi Sắc có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa chính là đã được đối trị ở cõi Sắc, nếu trụ trong định cõi Sắc, nếu sinh vào đó mà chưa được địa trên đối trị thì nghĩa chính là hiện hành khi đã ra khỏi ba cõi. Dù một chút cũng là ràng buộc ở cõi Sắc.

Hỏi: Trói buộc ở cõi Vô sắc có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Đã được vô sắc đối trị, hoặc an trụ trong định vô sắc, hoặc sinh về đó mà chưa được địa trên đối trị thì nghĩa chính là hiện hành khi đã ra khỏi ba cõi. Dù một chút cũng gọi là ràng buộc ở cõi Vô sắc.

Lại còn có nghĩa khác nhau là nghĩa an trụ đầy đủ trong định, không tương ứng với pháp cộng hữu và không thuộc về quả của pháp cộng hữu ấy. Đây là nghĩa thuộc về ràng buộc ở cõi Dục, dựa vào phiền não ở cõi Sắc và trái với nghĩa trước. Đây là nghĩa ràng buộc ở cõi Sắc, vì đã lìa bỏ các phiền não khác ở cõi Vô sắc. Và, thuộc về phần trước như đã nói đây là sự ràng buộc ở cõi Vô sắc, nên biết.

Hỏi: Thiện có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là cảm nhận quả báo an vui về sau, có ý nghĩa là đã dứt trừ khổ phiền não, có ý nghĩa đối trị phiền não. Dù được một chút cũng gọi là thiện.

Hỏi: Bất thiện có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là cảm nhận quả báo đau khổ về sau, có ý nghĩa là sinh ra hành vi ác. Dù một chút cũng gọi là bất thiện.

Hỏi: Vô ký có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là hoàn toàn trái với thiện và bất thiện. Dù một chút cũng gọi là vô ký.

Lại có nghĩa khác là nghĩa không lầm lỗi, là nghĩa đối trị lầm lỗi, thuận theo công đức, có nghĩa là thiện. Vì trái với nghĩa thiện nên coi đó là bất thiện, nghĩa thiện và bất thiện trái nhau nên gọi là vô ký.

Hỏi: Học có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa chính là tu học điều thiện với nhiều phương tiện. Dù một chút cũng gọi là Hữu học.

Hỏi: Vô học có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là tu học đến chỗ hoàn toàn rốt ráo. Dù một chút cũng gọi là Vô học.

Hỏi: Phi học, phi Vô học có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là thuộc về thiện, ô nhiễm, vô ký, trừ hai nghĩa Hữu học và Vô học nói ở trước. Dù một chút cũng gọi là Phi học phi Vô học.

Hỏi: Kiến đạo dứt trừ có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là sự cắt đứt phiền não do trí hiện quán, và hiện quán các đế, dù một chút cũng gọi là kiến đạo đoạn.

Hỏi: Tu đạo dứt trừ có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là dứt trừ phiền não do trí hiện quán, và hiện quán các đế, tất cả các phần nhỏ đều là tu đạo dứt trừ.

Hỏi: Vô đoạn có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là đối trị rốt ráo tất cả ô nhiễm, có ý nghĩa là dứt hẳn các cấu nhiễm. Dù một chút cũng gọi là không còn gì để dứt.

Hỏi: Vô sắc cho đến nói rộng có mấy thứ, nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa chính là trái với sắc đã nói ở trước, đó là nghĩa vô sắc, nên biết.

